

CHƯƠNG 3: VĂN XUÔI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945 - 1975

3.1. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954

3.1.1. Các sự kiện tiêu biểu

Sau Cách mạng tháng Tám, hầu hết các nhà văn Tiền chiến đều nhiệt tình ủng hộ chế độ mới. Các khuynh hướng văn học đã có từ trước 1945 vẫn tiếp tục phát triển theo quán tính. Nếu như trước đây, văn học cách mạng bị chính quyền thực dân cấm đoán thì nay được ra hoạt động công khai và trở thành dòng chủ lưu.

Các nhà văn lãng mạn vẫn tiếp tục sáng tác nhưng có thay đổi về cảm hứng thẩm mỹ. Họ giảm bớt tính mơ mộng viển vông để tăng cường yếu tố hiện thực và cách mạng trong tác phẩm. Tuy nhiên, nhiều người có góc nhìn riêng về cách mạng và tương lai dân tộc nên đôi lúc cũng không tránh khỏi va chạm với các khuynh hướng văn học khác. Những tác phẩm này được đăng chủ yếu trên báo Ngày nay, Chính Nghĩa, tập Văn hóa và cách mạng... Chúng ta có thể chia các nhà văn lãng mạn sau năm 1945 làm hai nhóm.

Nhóm thứ nhất là những nhà văn có lập trường tư sản, chủ yếu là các cây bút trụ cột của Tự lực văn đoàn. Nhất Linh không còn sáng tác nhiều như trước nhưng vẫn tham gia các hoạt động văn hóa. Khái Hưng viết *Khúc tiêu ai oán*, *Chống xâm lăng*, *Bốp* và *Bíp*... dưới hình thức phóng dụ để ám chỉ tình hình chính trị phức tạp lúc bấy giờ. Ngoài ra, còn phải kể đến các nhà lý luận như Trương Tửu, Nguyễn Đức Quỳnh... Những nhà văn theo khuynh hướng này có vẻ bị lạc điệu trong môi trường cách mạng. Từ khoảng sau năm 1950, khuynh hướng này hoàn toàn tách ra khỏi dòng văn học kháng chiến chống Pháp.

Nhóm thứ hai là những nhà văn lãng mạn đã hòa nhập vào xu thế chính trị mới. Những sáng tác của họ trong hai năm 1945 - 1946 vẫn còn rơi rớt một vài dư âm cũ. Trong *Nguyễn*, *Chùa Đàn*, Nguyễn Tuân vẫn còn hơi hướng lãng mạn. Nhưng đến *Vô đề*, *Cỏ độc lập*, *Ngày đầy tuổi tôi cách mạng*, ông đã có một tinh thần cách mạng triệt

đế. Cũng như vậy với Hoài Thanh (*Dân khí miền Trung*), Xuân Diệu (*Việt Nam nghìn dặm, Miền Nam nước Việt và người Việt miền Nam*), Nguyễn Huy Tưởng (*Ở chiến khu, Một phút yếu đuối*), Huyền Kiêu (*Giấc mộng đêm giao thừa*), *Cánh đồng lương tâm* (Lê Văn Trương), *Những kẻ sống sót* (Kỳ Văn Nguyên), *Cô gái Bình Xuyên* (Hồ Dzếnh), và Lưu Trọng Lư, Thanh Tịnh...

Các nhà văn hiện thực hội nhập vào cách mạng nhanh chóng hơn cả. Trước năm 1945, họ đã nhận ra mặt trái của chế độ thực dân - phong kiến. Nay, chế độ ấy bị lật đổ, dĩ nhiên là họ hồ hởi chào đón chế độ mới. Một số nhà văn hiện thực đã từng tham gia Hội Văn hóa cứu quốc từ trước Cách mạng như Nguyên Hồng, Nam Cao, Tô Hoài... Họ hăng say dùng ngòi bút để phụng sự cách mạng từ những ngày đầu thành lập chế độ mới. Trong hai năm 1945 - 1946, các nhà văn hiện thực đã nhanh chóng chiếm lĩnh văn đàn như: Đỗ Phồn (*Khao*), Nguyên Hồng (*Địa ngục, Lò lửa*), Nam Cao (*Mò sâm banh, Cách mạng*), Tô Hoài (*Vỡ tỉnh*), Mạnh Phú Tư (*Rãnh cày nổi giận*)...

Một trong những sự kiện thu hút được nhiều văn nghệ sĩ tham gia là phong trào Nam Tiến. Nam Cao hăm hở tham gia và ghi lại cảm tưởng vui mừng của mình trong *Đường vô Nam*. Tô Hoài bỗng xem Nam Bộ là quê hương của mình, “*cái quê muôn đời đang rục rở trong máu*” (Nhớ quê). Hương Việt Sinh vào Nam Trung Bộ, thấy cái gì cũng mới lạ và kịp thời ghi chép những giờ phút hào hùng ấy trong ký sự *Phú Yên kháng chiến*...

Đầu năm 1947, chính quyền Việt Minh chuyển thủ đô lên Việt Bắc. Các nhà văn già từ Hà Nội hoa lệ để lên chiến khu tham gia cuộc kháng chiến trường kỳ. Đây là sự kiện lớn trong cuộc đời viết văn của họ. Nếu như lúc còn ở Hà Nội, nhiều người còn day dứt với thói quen cũ thì giờ đây, họ đã dứt bỏ hoàn toàn con người cũ để bắt đầu một “cuộc tái sinh màu nhiệm” (Hoài Thanh), “cuộc hồi sinh vĩ đại” (Nguyễn Huy Tưởng)...

Nguyễn Tuân có thái độ dứt khoát đoạn tuyệt với cái cũ. Ông tuyên bố từ bỏ những đứa con lầm lỗi trước năm 1945 như *Vang bóng một thời*, *Nguyễn, Thiều quê hương*... Ông tiến hành một cuộc “lột xác” để trở thành nhà văn - chiến sĩ của thời đại cách mạng. Trong hội nghị Văn nghệ toàn quốc (tháng 7 - 1948), Nguyễn Tuân được bầu làm Tổng thư ký Hội văn nghệ Việt Nam. Ông hăng hái đi thực tế sáng tác và cho ra đời nhiều tác phẩm mới như: *Đường vui*, *Chân giò*, *Lại ngược*, *Tình chiến dịch*, *Thăng càn*...

Nhiều nhà văn Tiền chiến khác cũng hăng hái tham gia kháng chiến. Dù có trải qua nhiều khó khăn, nguy hiểm, họ vẫn không ngại lăn lộn phong trào. Nam Cao tự nguyện làm “anh tuyên truyền viên nhãi nhép”. Ông đi khắp nơi, viết *Đôi mắt*, *Bốn cây số cách một căn cứ địch*, *Chuyện biên giới*, *Nhật ký Ở rừng*... Nam Cao mất năm 1951, trong lúc tài năng đang nở rộ. Ngô Tất Tố bị bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn cần mẫn dịch thuật các tác phẩm văn học cách mạng Trung Quốc. Ông cũng sáng tác các vở kịch: *Nữ chiến sĩ Bùi Thị Phác*, *Đóng góp* và các truyện *Quà tết bộ đội*, *Buổi chợ trung du*. Ngô Tất Tố qua đời một tháng trước ngày kháng chiến thành công.

Đội ngũ các nhà văn Tiền chiến tham gia cách mạng còn có: Nguyễn Công Hoan (*Đồng chí Tư*, *Xống cùi*), Tô Hoài (*Núi Cứu Quốc*, *Truyện Tây Bắc*, *Xuống làng*), Kim Lân (*Làng*), Thế Lữ (*Tay đại bợm*), Nguyên Hồng (*Đêm giải phóng*, *Đất nước yêu dấu*, *Con nuôi bếp Ba*), Lưu Trọng Lư (*Chiến khu Thừa Thiên*), Bùi Hiển (*Đánh trận giặc lúa*, *Gặp gỡ*), Đoàn Phú Tứ (*Hạ đồn Dóm*)... Số lượng tác phẩm của các nhà văn Tiền chiến không nhiều, một phần vì họ bận tham gia các công việc thực tiễn do cách mạng giao phó. Một phần vì chưa tìm được nguồn cảm hứng mới.

Bên cạnh đội ngũ nhà văn Tiền chiến, còn xuất hiện một thế hệ nhà văn mới. Họ bắt đầu sáng tác từ sau Cách mạng và sớm trở thành lực lượng chủ đạo của văn học kháng chiến. Ở các nhà văn trẻ này, không có giai đoạn “nhận đường” và cũng không có khái niệm “lột xác” như các nhà văn Tiền chiến. Họ hăng hái lăn lộn thực tế cuộc sống và sáng tác đúng theo đường lối văn nghệ của lãnh đạo Việt Minh.

Đội ngũ nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp từ khu IV trở ra gồm có: Nguyễn Đình Thi (*Xung kích*), Trần Đăng (*Một lần tới thủ đô, Trận phố Ràng, Một cuộc chuẩn bị*), Thép Mới (*Cờ giải phóng, Trách nhiệm*), Võ Huy Tâm (*Vùng mỏ*), Nguyễn Khải (*Xây dựng*), Siêu Hải (*Voi đi*), Hồ Phương (*Thư nhà*), Trần Độ (*Lòng tin*), Vũ Sắc (*Tổ cấp dưỡng*), Từ Bích Hoàng (*Anh y tá Minh*), Hà Minh Tuân (*Những ngày máu lửa*), Nguyễn Trinh Cơ (*Em Ngọc, Nắng*), Thép Mới (*Sức mạnh từ đất dấy lên, Trong thế giới công binh xưởng*), Vũ Tú Nam (*Bên đường 12, Sau trận núi Đanh, Nhân dân tiến lên*), Nguyễn Khắc Thứ (*Trận Thanh Hương*)...

Đội ngũ nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp từ khu V trở vào có: Nguyễn Văn Bổng (*Con trâu*), Tịnh Hà (*Ngày mùa*), Nguyễn Thành Long (*Bát cơm cụ Hồ*), Minh Lộc (*Con đường sống*), Trần Văn An (2747), Hoàng Văn Bôn (*Vỡ đất*)... Đó là chưa kể những nhà văn đã có mặt trong kháng chiến chống Pháp nhưng lúc này, họ chỉ viết báo và thai nghén nhiều tác phẩm cho giai đoạn sau như Nguyên Ngọc, Trần Dần, Sao Mai, Hồng Chương...

Năm 1949, tại Việt Bắc, Chính phủ tổ chức Hội nghị văn nghệ bộ đội. Hội nghị này có hai ý nghĩa lớn: Thứ nhất, phát động các văn nghệ sĩ đầu quân để có tư liệu viết về bộ đội. Thứ hai, phát động phong trào sáng tác trong bộ đội, để từ đó, phát hiện ra những tài năng mới. Nhờ đó, số lượng tác phẩm do bộ đội viết và viết về bộ đội rất nhiều. Những tác phẩm này thường được đăng trên báo Vệ quốc quân trung ương và các quân khu, báo Văn nghệ và in trong các tuyển tập.

Có thể kể một số tác phẩm ký về đề tài bộ đội như: *Sau giờ chiến đấu* (Tuấn Sơn), *Một cảnh sinh hoạt văn nghệ của bộ đội* (Hoàng Điệp), *Một đêm sôi máu* (Sao Đỏ), *Đồng chí già* (Lê Hội), *Anh ba bom* (Tuấn Vinh), *Anh biệt động quân* (Mạc Lâm), *Anh trinh sát mặt trận Nghĩa Lộ* (Chính Yên), *Anh y tá Hoàng* (Phạm Trung Tiêm)... *Tập văn cách mạng và kháng chiến* cũng có nhiều bài ký về đề tài chiến tranh cách mạng. Trong tập *Vệ quốc quân viết* (1949), người ta được chiêm ngưỡng chân dung anh bộ đội cụ Hồ qua những cây bút mới. Những tác phẩm này, nói đúng ra chỉ mới là những ghi chép ngắn chứ chưa phải là những tác phẩm nghệ thuật

cao: *Những ngày máu lửa, Hai năm còm trên Đèo Giàng, Lê Sơn La, Vác đại bác đuổi giặc, Những ngày làm lính, Choảng, Lẽ lên đường, Vượt qua biên giới, Đội quyết tử thành Nam, Hành quân chiến đấu, Hành quân trú quân ...*

3.1.2. Một số đặc điểm và thành tựu

Văn xuôi cách mạng Việt Nam sau năm 1945 cũng tạo được nhiều đặc điểm riêng, chưa từng có trong văn xuôi Việt Nam trước đó. Chỉ xét riêng trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, văn xuôi cách mạng có những đặc điểm sau:

3.1.2.1. Phản ánh cuộc chiến tranh cách mạng với cái nhìn đa diện, nhiều chiều

Trước năm 1945, chiến tranh vẫn là còn điếu xa lạ với người dân Việt Nam. Họ chỉ biết đến chiến tranh thời trung đại qua những trang sử Tàu hoặc các tiểu thuyết lịch sử đầu thế kỷ XX. Nay, chiến tranh đã đến, cuốn toàn bộ dân tộc vào vòng xoáy của lửa đạn. Các văn nghệ sĩ cũng được chứng kiến nhiều sự việc không giống như sự tưởng tượng trong sách vở trước đây. Và mỗi nhà văn đã phản ánh chân thành cách cảm, cách nghĩ của mình về cuộc chiến. Trong giai đoạn này, cái nhìn của họ về chiến tranh có nhiều chỗ không giống với giai đoạn sau năm 1955.

Vốn là người rất cá tính, Nguyễn Tuân cũng nhìn nhận cách mạng từ góc độ riêng của mình. Trong *Cỏ Độc lập*, ông xem cách mạng là “màu đỏ ác dữ”. Nhân vật chính của truyện - Thần cách mệnh xưng danh: “*Ta là kết tinh của Phá hoại. ta sinh ra từ nơi Bất công. Bất bình là nguyên quán của ta. Ta là người Hỗn loạn. Ta là sản phẩm của Chênh lệch. Ta là... chế tạo ra Binh lửa (...) Ta tàn bạo mà chân thành, dữ dội mà đẹp*”. Và thần cách mệnh quát bảo thần Sông, thần Núi: “*Lịch sử bây giờ là của Lý trí chứ không khi nào là Tình cảm nữa, nghe không !*”. Những phát ngôn gây sốc này, dĩ nhiên, chỉ là sản phẩm của thời điểm năm 1946.

Hình ảnh con người trong văn xuôi Việt Nam những năm đầu kháng chiến vẫn còn mang khẩu khí “yêng hùng”. Nguyễn Huy Tưởng kể chuyện *Ở chiến khu*: “*Phảng phất đâu đây cảnh oai nghiêm những thanh niên tới trước hàng sấm kiếm và hình dáng mạnh mẽ của những “kiếm khách” lên đường*”. Trong hàng ngũ chiến sĩ tham

gia *Trận phố Ràng*, mỗi người một vẻ. Nổi bật có hình ảnh đại đội trưởng P.N lăm lăm chuôi kiếm, vẻ mặt nghiêm lạnh... (Trần Đăng). Trong một vài tác phẩm, người chiến sĩ cũng có nội tâm phức tạp. Nguyên Hồng kể chuyện một cán bộ vừa vượt ngục trở về. Anh ta mang tâm trạng hoang mang lo sợ địch bắt trở lại, và cũng sợ cả đồng chí của mình nghi ngờ... (*Lưới sắt*).

Truyện *Đôi mắt* của Nam Cao phản ánh khá đầy đủ những mảng màu sáng tối trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp. Tác giả mượn lời nhân vật Độ để phản ánh mặt ưu điểm và mượn lời nhân vật Hoàng để phản ánh mặt khuyết điểm của các thành phần xã hội. Trí thức có loại bàng quan, trùمان như Hoàng và có loại tích cực dấn thân như Độ. Cán bộ cũng có hai mặt: nhiệt tình cách mạng nhưng lại dốt nát, làm việc máy móc. Chiến sĩ “*hát Tiến quân ca như người cầu kinh ngái ngủ mà lúc ra trận thì xung phong can đảm lắm*”. Quần chúng nông dân cũng tích cực cảnh giác địch nhưng thái quá thành ra tò mò tọc mạch. Độ không thuyết phục được Hoàng tham gia cách mạng. Đây là cách kết thúc không có hậu và không theo khuôn mẫu định hướng như trong văn xuôi giai đoạn sau.

3.1.2.2. Bước đầu xây dựng hình mẫu con người tập thể

Những năm đầu kháng chiến, văn xuôi vẫn còn xây dựng những con người đa diện, dị biệt. Tuy nhiên, càng về sau, con người cá nhân nhường chỗ cho con người cộng đồng. Điều này xuất phát từ nhiệm vụ của cách mạng: đoàn kết các thành phần xã hội thành một khối mạnh mẽ để đánh thắng địch. Trong *Dân khí miền Trung*, Hoài Thanh phát biểu “Đoàn thể đã tái tạo chúng tôi, và trong bầu không khí mới của giang sơn, chúng tôi, những nạn nhân của thời đại chữ “tôi” - hay muốn gọi là tội nhân cũng được - chúng tôi thấy rằng đời sống riêng của cá nhân không có nghĩa gì trong đời sống bao la của đoàn thể”. Xuân Diệu cũng gạt bỏ cái tôi cá nhân và hòa nhập vào quần chúng cách mạng: “Trời ơi, quần chúng quá tình nhân”.

Trước năm 1945, trong văn xuôi hầu như không có loại nhân vật quần chúng. Sau Cách mạng, các văn nghệ sĩ mới đi tìm mẫu con người mới của thời đại. Nguyên

Hồng và Kim Lân thâm nhập thực tế để “tìm nhân vật, nhận định xem con người bây giờ khác trước thế nào”. Một nhà văn rất thành công về đề tài nông dân như Nam Cao mà vẫn chưa dám nói hiểu hết nông dân. Đến khi cùng họ đi đánh giặc thì mới “ngã ngựa ra. Té ra người nông dân nước mình vẫn có thể làm cách mạng” (*Đôi mắt*). Các văn nghệ sĩ “hào hứng lặn mình vào quần chúng” (*Trần Đăng*) để miêu tả cho đúng và hay con người quần chúng trong thời đại mới.

Trong truyện vừa *Vỡ đất*, Hoàng Văn Bôn cũng cho thấy quá trình đấu tranh để gạt bỏ dần cái tôi cá nhân trong mỗi chiến sĩ để hòa mình vào cái chung tập thể. Hình ảnh nhân vật đám đông được xuất hiện rõ nét trong *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi. Truyện có rất nhiều nhân vật nhưng hầu như không có nhân vật chính. Tất cả các nhân vật đều được miêu tả với mức độ ngang nhau: Sản, Độ, Thông, Cốc, chú Lũy... Chúng ta cũng gặp những tập thể bộ đội, quần chúng nhân dân như vậy trong các truyện và ký như: *Tổ cấp dưỡng* (Vũ Sắc), *Những chiến sĩ Hà Nội* (Tô Hoài), *Dân làng Sủi* (Xuân Trì), *Một sống một chết* (Như Mai), *Đuốc lửa trong mưa* (Lam Sơn)...

Trước năm 1945, nhiều nhà văn hiện thực đã miêu tả thành công loại nhân vật điển hình. Tuy nhiên, họ thường miêu tả điển hình xấu - tiêu cực. Sau năm 1945, loại nhân vật điển hình tốt - tích cực được chú trọng nhiều hơn. Văn học cách mạng chú trọng miêu tả nhân vật quần chúng nhưng ai là người điển hình cho phong trào quần chúng ? Nguyễn Đình Lạp phát biểu: “Người lính - một nhân vật điển hình của thời đại”. Trong Hội nghị văn nghệ bộ đội năm 1949, người ta đã thảo luận về “điển hình dân quân”, “điển hình bộ đội”, “điển hình cá nhân”, “điển hình đơn vị” và “sự biến đổi của tất cả những con người khác nhau thành người lính Việt Nam điển hình” (tường thuật của Nguyễn Huy Tưởng, báo Văn nghệ, tháng 12 - 1949).

Nhiều tác phẩm đã xây dựng được những điển hình tập thể như: tập thể chiến sĩ: *Một lần tới thủ đô* (Trần Đăng), *Xung kích* (Nguyễn Đình Thi), *Bên đường 12* (Vũ Tú Nam)...; tập thể nông dân: *Con trâu* (Nguyễn Văn Bổng); tập thể công nhân: *Vùng mỏ* (Võ Huy Tâm)... Điển hình cá nhân, có *Những người lính gương mẫu* (Thanh Phong), *Đôi mắt* (Nam Cao). Trong *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài đã khá thành công

trong việc xây dựng tính cách và hoàn cảnh điển hình. Ông xây dựng hai bối cảnh điển hình: Hồng Ngài - điển hình cho xã hội cũ và Phiềng Sa - điển hình cho xã mới. My và A Phủ điển hình cho giai cấp bị trị, thống lý Pá Tra và A Sử điển hình cho giai cấp thống trị. Con đường đi tìm tự do của vợ chồng A Phủ cũng cho thấy quá trình người dân Tây Bắc tự giải phóng mình từ tự phát đến tự giác.

Trong miêu tả nhân vật, các nhà văn cách mạng chú trọng miêu tả hành động hơn nội tâm. Điều này xuất phát từ nhu cầu thời đại: cách mạng đòi hỏi những con người hành động (như Độ) hơn là nằm trùм chẵn triết lý suông (như Hoàng) (*Đôi mắt*). Nam Cao đã nhận xét tập *Vệ quốc quân* viết: “Những người viết cũng như những nhân vật họ tả đều là những con người hành động. Họ hy sinh và đoàn kết, chiến đấu và kỷ luật. Tâm lý họ không phiền phức, rắc rối. Họ giản dị và thiết thực, không viễn vông, vớ vẩn”. Trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân, nhân vật ông Hai lâm vào một tình huống bi kịch, bị mọi người hắt hủi vì tin đồn làng Dầu của ông theo giặc. Ông Hai đau khổ nhưng không có chính kiến riêng, chỉ nường theo dư luận quần chúng. Điều đó cho thấy, mặc dù tác giả có miêu tả tâm lý nhân vật nhưng đây vẫn là tâm lý tập thể, do đám đông định hướng chứ nhân vật chưa có tâm lý riêng rõ nét.

Trong văn học kháng chiến chống Pháp, việc xây dựng hình tượng con người quần chúng, nhân vật tập thể, nhân vật điển hình cách mạng chỉ là bước thử nghiệm ban đầu. Phải đến giai đoạn sau, việc làm này mới trở thành quy định bắt buộc và phổ biến trong văn học.

3.1.2.3. Thể loại ký được mùa, tiểu thuyết chứng lại

Trong chiến tranh, người ta cần các thể loại phản ánh kịp thời các sự kiện nóng hổi. Thể loại ký vốn có khả năng phản ánh nhanh nhạy các vấn đề thời sự. Những bản tin phóng sự được phát hành kịp thời trên báo chí, đài phát thanh hoặc đọc trong các buổi hội họp. Bản chất của ký chuyên viết về những mẫu chuyện người thật việc thật, có tác dụng nêu gương, cổ vũ chiến đấu. Trong khi tiểu thuyết được xem là thể loại hư

cầu, bìa đặt, không phản ánh hiện thực một cách chân xác và có tính thời sự cao như ký.

Do điều kiện khó khăn về nhà in, giấy mực nên nhà văn chưa thể viết những tác phẩm dài như tiểu thuyết. Trong khi đó, ký có dung lượng ngắn như những trinh sát viên cơ động và gọn nhẹ, thích hợp với bối cảnh chiến tranh. Mặt khác, thể loại ký ít đòi hỏi kỹ thuật viết. Nó thích hợp với những cây bút chiến sĩ không chuyên. Mà lực lượng này rất đông, có mặt ở hầu hết các địa phương và đơn vị bộ đội. Thời gian để viết một tác phẩm ký cũng ngắn hơn tiểu thuyết.

Trước năm 1945, nhiều người xem ký chỉ là thể loại hạng 2. Tuy nhiên, sau năm 1945, hầu hết các nhà văn Tiền chiến đều xem thể loại ký là binh chủng chủ lực của mình trong kháng chiến chống Pháp. Nam Cao có: *Bốn cây số cách một căn cứ địch, Chuyện biên giới, Nhật ký Ở rừng*... Tô Hoài viết khá nhiều, nhưng nổi tiếng hơn cả là tập *Núi Cứu Quốc, Ngược sông Thao, Vượt Tây Côn Lĩnh, Đại đội Thắng Bình*... Nguyễn Huy Tưởng có *Ký sự Cao Lạng*, Nguyễn Tuân có *Đường vui, Tình chiến dịch*, Nguyễn Hồng có *Đất nước yêu dấu*... Các nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp cũng xem tác phẩm ký khởi nghiệp cho sự nghiệp sáng tác của mình: Trần Đăng (*Trận phố Ràng, Lúa mới*), Nguyễn Khắc Thứ (*Trận Thanh Hương*), Nguyễn Khắc Mẫn (*Ông Cốc*), Nguyễn Văn Thơm (*Đường đi muôn dặm*), Nguyễn Đình Thi (*Thu Đông năm nay*)... Và những bài viết trong các *Tập văn cách mạng và kháng chiến, Vệ quốc quân viết*...

Trong giai đoạn này, có nhiều tác phẩm ký viết về các cán bộ lãnh đạo Chính phủ. Đó là *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* (Trần Dân Tiên), *Hai lần vượt ngục* (Trần Đăng Ninh), *Trần Cừ* (Nam Cao), *Khu giải phóng* (Võ Nguyên Giáp), *Nghĩa Lộ vượt ngục - Nghĩa Lộ khởi nghĩa* (Trần Huy Liệu)... Năm 1952, Chính phủ cho xuất bản tập *Truyện anh hùng chiến sĩ thi đua*, của nhiều tác giả viết về La Văn Cầu, Ngô Gia Khảm, Nguyễn Thị Chiên, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh, Nguyễn Quốc Trị, Giáp Văn Khương, Nguyễn Thị Mùi... Những tác phẩm ký về “gương chiến đấu” xuất hiện rất nhiều trên báo chí.

Một số sự kiện lớn trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp cũng được phản ánh kịp thời trong ký. Chẳng hạn, từ năm 1953, chính phủ phát động phong trào giảm tô và cải cách ruộng đất. Hàng loạt ký ra đời để cổ vũ kịp thời cho chủ trương này: *Địa chủ giết hại gia đình tôi* (Nguyễn Thị Chiên kể, Vũ Cao ghi), *Gọi khổ* (Trọng Hứa), *Bóng nó còn bám lấy xóm làng* (Nguyễn Tuân), *Thửa ruộng vỡ hoang* (Xuân Trường), *Vạch khổ* (nhiều tác giả)...

Từ năm 1951 trở đi, một số truyện có dung lượng tương đối lớn xuất hiện. Người ta thường gọi nó là truyện vừa, hoặc cũng có người gọi là tiểu thuyết. Ở Nam Bộ có hai tác phẩm truyện vừa là 2747 của Trần Văn An và *Vỡ đất* của Hoàng Văn Bồn. Tuy nhiên, hai tác phẩm này ít phổ biến và sớm thất lạc. Nổi tiếng hơn cả là *Xung kích* (Nguyễn Đình Thi, 1951), *Vùng mỏ* (Võ Huy Tâm, 1951) và *Con trâu* (Nguyễn Văn Bổng, 1952). Ba tác phẩm này xây dựng nên những hình tượng con người mới thuộc ba lực lượng cơ bản của kháng chiến: Công - Nông - Binh.

Mặc dù không có những tác phẩm tiểu thuyết đúng như tên gọi của nó nhưng ý thức viết tiểu thuyết vẫn luôn nung nấu trong đầu các nhà văn. Nguyễn Huy Tưởng ao ước viết “những pho sử thi biên niên hết sức hấp dẫn” để phản ánh cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Nam Cao đã viết được khoảng 7, 8 trang của cuốn tiểu thuyết nhưng bỏ dở vì hy sinh. Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng... đều khao khát viết một tác phẩm dài hơi để phản ánh hết những sự kiện đáng nhớ trên những nẻo đường kháng chiến.

Tuy nhiên, không ít nhà văn vẫn còn bỡ ngỡ khi bắt tay viết một tác phẩm dài trong buổi “nhận đường”, có nhiều điều còn chưa thông suốt. Đó là chưa nói đến sự băn khoăn trong việc lựa chọn bút pháp, cách xây dựng nhân vật. Nói như Tô Hoài: “viết cái hay thì chỉ thấy chữ khô khan, viết cái dở thì dễ có tình cảm” (*Tự nhận xét tư tưởng, nghệ thuật của tôi*). Nói cách khác, đối với văn xuôi, cuộc kháng chiến 9 năm như một thời kỳ gieo hạt để làm nên một mùa thu hoạch giai đoạn sau.

3.2. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1954 - 1964

3.2.1. Các sự kiện tiêu biểu

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hòa bình được lập lại trên miền Bắc. Buổi đầu xây dựng chế độ mới cũng gặp nhiều khó khăn. Một số đồng bào công giáo di cư vào Nam, mang theo nhiều tài sản, nhân lực và chất xám. Nền kinh tế miền Bắc bị tổn thất nặng sau chiến tranh. Trong giai đoạn 1955 - 1960, người ta còn băn khoăn trong việc xác định hướng đi cho nền kinh tế Việt Nam. Sau năm 1960, miền Bắc mới xác định rõ con đường tiến lên CHXN. Tình hình thế giới cũng phức tạp. Chủ nghĩa xét lại ở Liên Xô và Phong trào trăm hoa đua nở ở Trung Quốc lan tới Việt Nam, đúng vào thời điểm các văn nghệ sĩ đang băn khoăn “nhận đường” lần thứ hai. Vốn là “tấm gương phản ánh hiện thực”, văn xuôi không thể không bám sát diễn biến thời sự của đất nước.

Đội ngũ nhà văn giai đoạn này cũng khá đông đảo và có nhiều thành phần, đa dạng về bút pháp. Những nhà văn Tiền chiến vẫn tiếp tục sáng tác, có phần sung sức hơn thời kháng chiến. Những nhà văn trưởng thành từ thời kháng chiến chống Pháp đã trở thành đội ngũ chủ lực của nền văn xuôi giai đoạn này. Bên cạnh đó, một đội ngũ nhà văn trẻ xuất hiện. Có thể họ đã từng tham gia kháng chiến nhưng chưa có tác phẩm công bố vào thời đó. Cũng có những nhà văn trưởng thành trong hòa bình...

Có thể nêu một số cây bút trưởng thành sau năm 1955 như: Hồng Hà, Văn Linh, Phạm Hữu Tùng, Xuân Thu, Vũ Bảo, Hữu Mai, Sao Mai, Lê Đoàn, Nguyễn Trí Tình, Xuân Vũ, Nguyễn Quang Thân, Hoàng Tuấn Nhã, Hải Hồ, Trúc Hà, Hà Minh Tuân, Xuân Tùng, Trần Thanh, Xuân Cang, Đỗ Đức Thuật, Xuân Thiều, Phạm Tường Hạnh, Bùi Ngọc Tấn, Lương Sĩ Cầm, Châu Diên, Mộng Sơn, Trần Kim Thành, Xuân Sách, Huyền Kiêu, Lâm Phương, Đỗ Quang Tiến, Văn Dân, Mai Ngữ, Ngô Ngọc Bội, Hoàng Tiến, Xuân Khánh, Hoài An, Huy Phương, Hà Ân, Lê Phương, Phù Thăng, Trần Kim Thành, Phan Văn Tùng, Trịnh Xuân An, Nguyễn Kiên...

Đáng chú ý có một số tướng lĩnh quân đội tham gia viết hồi ký như: Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn, Trần Độ, Vương Thừa Vũ... Số lượng nhà văn nữ cũng xuất hiện đông đảo hơn trước: Vũ Thị Thường, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Hoàng Thị Ái, Hà Thị Quế, Cẩm Thanh, Bích Thuận... Và xuất hiện thêm một số nhà văn dân tộc thiểu số, tiêu biểu là Nông Minh Châu (Tày) và Y Điêng (Ê đê)...

Sau năm 1954, nhiều nhà văn miền Nam tập kết ra Bắc. Họ đã bổ sung một lực lượng đáng kể cho đội ngũ nhà văn miền Bắc. Đó là các nhà văn gốc Trung Bộ như: Nguyễn Ngọc, Lê Khâm, Phạm Kiệt, Nguyễn Thành Long, Phạm Hồ, Phùng Quán... Và những nhà văn Nam Bộ như: Minh Lộc, Đoàn Giỏi, Trần Kim Trắc, Phạm Anh Tài, Hoàng Văn Bôn, Bùi Đức Ái, Nguyễn Ngọc Tấn, Nguyễn Quang Sáng, Lê Khánh, Vân An, Trần Thanh Giao...

Bên cạnh những nhà văn từ chiến khu trở về, những nhà văn từ Nam ra, cũng có một số nhà văn từng sáng tác trong vùng địch tạm chiếm. Bên cạnh những nhà văn đã bắt nhịp mạch cảm hứng sáng tác mới, vẫn còn những nhà văn viết theo cảm hứng cũ. Các nhà văn vẫn còn có sự khác nhau về quan điểm thẩm mỹ và chính trị. Điều đó phản ánh tình hình phức tạp về văn hóa tư tưởng ở miền Bắc trong những năm đầu hòa bình.

Một số nhà xuất bản và báo chí tư nhân vẫn hoạt động trong những năm 1955 - 1957. Một số văn nghệ sĩ mở diễn đàn tranh luận trên báo Nhân văn, các tập Giai phẩm (mùa Xuân, mùa Thu, mùa Đông) và một số bài trên báo Văn và tập Đất mới. Trong số đó có những truyện ngắn gây tranh cãi như: *Lão Ròng* (Trần Dần), *Mua hàng mậu dịch* (Thanh Châu), *Những người khổng lồ không tim* (Trần Duyệt), *Ông Năm Chuột* (Phan Khôi), *Trường hợp tòng quân của thiếu úy Nguyễn Lâm*, *Bích xu ra* (Thụy An), *Đêm không ngủ* (Vũ Thư Hiên)...

Một số tiểu thuyết cũng gây sự chú ý của dư luận. Đối với tiểu thuyết *Đất nước đứng lên*, nhiều người đánh giá rất cao nhưng vài người cũng không đồng tình khi tác phẩm này được trao giải Nhất của Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955. Hai tiểu

thuyết *Người người lớp lớp* và *Vượt Côn Đảo* được độc giả khen ngợi. Nhưng khi Trần Dần và Phùng Quán tham gia nhóm Nhân văn - Giai phẩm thì hai tác phẩm này ít được nhắc tới. *Mùa hoa dẻ* của Văn Linh cũng được dư luận chú ý một thời nhưng sau đó không được nhắc tới nữa.

Tiểu thuyết *Cái sân gạch* của Đào Vũ cũng đặt ra nhiều vấn đề khó khăn trong buổi đầu hợp tác hóa nông nghiệp. Nó tạo ra diễn đàn tranh luận sôi nổi suốt hai năm 1959 - 1960. Cả ba tiểu thuyết của Nguyễn Công Hoan ra đời trong giai đoạn này cũng gây tranh cãi là *Tranh tối tranh sáng*, *Hồn canh hồn cư*, *Đống rác cũ*. Ngoài ra, còn phải kể đến: *Vào đời* (Hà Minh Tuân), *Mười năm* (Tô Hoài), *Mở hầm* (Nguyễn Dậu), *Những người thợ mỏ* (Võ Huy Tâm), *Phá vây* (Phù Thăng)...

Ngoài ra, một số tác phẩm khác cũng được đưa ra bàn bạc, góp ý như: *Một trò chơi nguy hiểm*, *Về nhà* (Nguyễn Thành Long), *Thao thức* (Đoàn Giỏi), *Im lặng* (Nguyễn Thi), *Phở* (Nguyễn Tuân), *Một ngày chủ nhật*, *Bốn năm sau* (Nguyễn Huy Tưởng), *Biến động* (Tất Vinh), *Mạch nước ngầm* (Nguyễn Ngọc), *Chuyện nhà chuyện xưởng* (Nguyễn Thành Long), *Sương tan* (Hoàng Tiến), *Đất lửa* (Nguyễn Quang Sáng), *Về thành phố* (Nguyễn Văn Bổng), *Đẹp* (Xuân Cang), *Ngang trái* (Chu Văn), *Mất hết* (Hữu Mai), *Câu chuyện một gia đình* (Hồ Phương), và một số truyện ngắn khác như: *Vết thương*, *Sau hai chiến dịch*, *Trong núi*... Những tác phẩm viết về sửa sai trong cải cách ruộng đất cũng bị nhắc nhở: *Anh Cò Lắm* (Trần Dần), *Ông lão hàng xóm* (Kim Lân), *Sắp cưới*, *Phá đám* (Vũ Bão), *Những ngày bão táp* (Hữu Mai), *Thôn Bàu thắc mắc* (Sao Mai)...

Giai đoạn này cũng có nhiều cuộc thi văn xuôi. Đó là cuộc thi viết về đề tài kháng chiến do Tổng cục chính trị Quân đội tổ chức năm 1957. Cuộc thi viết về “Những kỷ niệm sâu sắc trong đời bộ đội” do báo Quân đội nhân dân tổ chức năm 1957. Cuộc thi “Đời sống bộ đội trong hòa bình” do tạp chí Văn nghệ quân đội tổ chức năm 1958 - 1959. Cuộc thi truyện ngắn do báo Văn nghệ tổ chức năm 1958. Cuộc thi truyện ngắn do báo Văn học tổ chức năm 1959 - 1960. Cuộc thi viết về Đề tài miền Nam do báo Thống nhất tổ chức năm 1960. Cuộc thi viết về thầy giáo và nhà

trường do báo Người giáo viên nhân dân tổ chức năm 1961. Cuộc thi truyện ngắn, bút ký, phóng sự do báo Văn học tổ chức năm 1962 - 1963. Các tác phẩm có chất lượng trong cuộc thi được in trong các tập truyện và ký. Qua các tác phẩm đoạt giải, người ta có thể hình dung phần nào diện mạo và thành tựu của nền văn học giai đoạn này.

3.2.2. Một số đặc điểm và thành tựu

3.2.2.1. Sự phong phú về đề tài

Trong suốt 30 năm chiến tranh, văn xuôi cách mạng Việt Nam giai đoạn 1955 - 1964 có sự đa dạng về đề tài hơn cả. Bên cạnh những đề tài đã xuất hiện từ các giai đoạn trước, nay, xuất hiện thêm một số đề tài sau:

❖ Đề tài kháng chiến chống Pháp

Sau 9 năm kháng chiến chống Pháp, các nhà văn đã tích lũy được nhiều tư liệu cần thiết về chiến tranh cách mạng. Họ muốn viết để tổng kết quá khứ hào hùng, trả nợ quá khứ. Bởi vậy, sau khi hòa bình lập lại, hàng loạt truyện ngắn và tiểu thuyết ra đời.

Về tiểu thuyết, có thể kể đến: *Một chuyện chép ở bệnh viện* (Bùi Đức Ái), *Hoa hướng dương* (Đoàn Giỏi), *Thanh niên Hà Nội* (Văn Tân), *Nhãn đầu mùa* (Xuân Tùng - Trần Thanh), *Cá bống mú* (Đoàn Giỏi), *Một chặng đường* (Nguyễn Khải), *Cao điểm cuối cùng* (Hữu Mai), *Chiến đấu sau hỏa tuyến* (Lê Thang Thang), *Gặp lại người bạn nhỏ* (Nguyễn Đồng Chi), *Bên kia biên giới*, *Trước giò nổ súng* (Lê Khâm)...

Về truyện và ký, có: *Trại di cư Pa gốt Hải Phòng* (Sao Mai), *Kể chuyện Điện Biên* (Trần Độ), *Người con gái vinh quang* (Nguyễn Khải), *Những ngày vượt ngục* (Trường Sinh), *Đảng thanh niên*, *Dưới hầm Sơn La* (Trần Huy Liệu), *Từ núi rừng Ba Tư* (Phạm Kiệt), *Từ nhân dân mà ra* (Võ Nguyên Giáp). Và các tuyển tập ký của nhiều tác giả: *Nhân dân ta rất anh hùng*, *Một vài hồi ức về Điện Biên Phủ*, *Đợt t xung kích cuối cùng*, *Những kỷ niệm sâu sắc trong đời bộ đội*, *Ký sự vượt ngục*...

❖ Đề tài miền Nam và khát vọng thống nhất nước nhà

Từ sau năm 1955, trong văn xuôi Việt Nam có thêm một đề tài mới: khát vọng thống nhất nước nhà. Điều này xuất phát từ hiện t hực chính trị Việt Nam sau hiệp định Giơ ne vơ: đất nước chia cắt làm hai miền, tổng tuyển cử không thành. Những người con miền Nam tập kết ra Bắc luôn khắc khoải nỗi nhớ quê. Những nhà văn miền Bắc cũng xót xa trước cảnh đất nước chia cắt. Đề tài miền Nam với nỗi khát khao thống nhất nước nhà trở thành một nội dung lớn trong văn xuôi lúc bấy giờ. Năm 1960, báo Thống nhất tổ chức cuộc thi viết về đề tài miền Nam và thu hút khá nhiều tác giả miền Nam tham gia.

Có thể kể ra một số tác phẩm tiêu biểu như sau: *Nam Bộ mến yêu* (Hoài Thanh), *Biển động* (Tất Vinh), *Trăng sáng*, *Đôi bạn* (Nguyễn Ngọc Tấn), *Mùa mưa* (Hoàng Văn Bôn), *Đón một mùa xuân mới từ miền Nam* (Nguyễn Văn Bổng), *Miền Nam bất khuất* (Nhuận Vũ), *Sau mặt nạ nhân vị* (Xích Điều), *Quê mới* (Dân Hồng), *Trận địa mới* (Phù Thăng), *Biển động* (Tất Vinh), *Đôi bờ* (Nguyễn Dậu, Nhất Hiên), *Đôi bạn* (Nguyễn Ngọc Tấn), *Vỡ kịch cô giáo* (Giang Nam), *Người quê hương*, *Nhật ký người ở lại* (Nguyễn Quang Sáng), *Về làng* (Phan Tứ), *Ngẩng lên* (Phạm Hữu Tùng). Và tuyển tập truyện của nhiều tác giả: *Thơ văn miền Nam*, *Con đường phía trước*, *Má Năm Cần Thơ*, *Từ tuyển đầu Tổ quốc*...

❖ Đề tài cải tạo nông nghiệp và xây dựng đời sống mới nông thôn

Trong thời gian từ 1953 đến 1954, có một vài tác phẩm nói về đề tài cải cách ruộng đất nhưng chưa nhiều. Phải sau năm 1955, đề tài này mới được xuất hiện nhiều trong văn xuôi. Một số nhà văn được phân công tham gia đội cải cách ruộng đất. Họ đã viết nhiều tác phẩm cổ vũ chủ trương giảm tô và cải cách ruộng đất của chính phủ. Các tác phẩm tiêu biểu: *Nông dân với địa chủ* (Nguyễn Công Hoan), *Thửa ruộng vỡ hoang* (Xuân Trường), *Bếp lửa đỏ* (Nguyễn Văn Bổng), *Đồng quê hoa nở* (Hoàng Trung Thông), *Đất chuyển* (Nguyễn Khắc Thứ), *Truyện anh Lục* (Nguyễn Huy

Tường), *Nông thôn là của chúng ta* (Trần Thi), *Ông lão chăn bò trên núi Thảm* (Xuân Thu)...

Sau khi thực hiện thành công việc cải tạo ruộng đất, Chính phủ tiến hành công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp. Những vấn đề Riêng và Chung được đặt ra gay gắt trong buổi đầu công hữu hóa. Có thể thấy tình hình phức tạp ấy trong: *Cái sân gạch - Vụ lúa chiêm* (Đào Vũ), *Xung đột* (Nguyễn Khải), *Hòn đá côi* (Thạch Giản - Đức Ánh)... Về sau, công cuộc hợp tác hóa được thực hiện thành công. Nhiều truyện ngắn đã dựng lên bức tranh lao động hăng say, vui vẻ của bà con xã viên trong việc làm ăn chung: *Đồng tháng năm*, *Vụ mùa chưa gặt* (Nguyễn Kiên), *Gánh vác*, *Hai chị em* (Vũ Thị Thường), *Con đò* (Vũ Lê Mai)...

Đi đôi với việc cải tạo nông nghiệp là việc xây dựng đời sống mới nông thôn. Tàn dư của xã hội phong kiến vẫn còn nhiều, cản trở những chủ trương mới của Chính phủ. Các cán bộ và quần chúng tích cực phải vất vả đẩy lùi tư duy cũ, xây dựng đời sống mới: *Dưới mái lều tranh* (Lê Đoàn), *Hai vợ*, *Trai làng Quyền* (Nguyễn Địch Dũng), *Bên đồng nước úng* (Bút Ngừ - Ngô Ngọc Bội), *Đi bước nữa* (Nguyễn Thế Phương), *Xóm mới* (Hồ Phương), *Ngày xuân*, *Kể chuyện quê nhà* (Vũ Tú Nam), *Huê* (Nguyễn Thị Ngọc Tú), *Ánh sáng bên nhà hàng xóm* (Chu Văn), *Chị cả Phây* (Ngô Ngọc Bội), *Nhịp sống mới* (nhiều tác giả)...

Ngoài ra, trong giai đoạn 1955 - 1964, văn xuôi Việt Nam cũng phát triển các loại đề tài như: Dân tộc và miền núi, đề tài xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc, đề tài tình hữu nghị các dân tộc, đề tài công nghiệp...

3.2.2.2. Sự đa dạng về cảm hứng thẩm mỹ và bút pháp nghệ thuật

So với văn xuôi trong 30 chiến tranh, giai đoạn 1955 - 1964 có sự đa dạng hơn cả về cảm hứng thẩm mỹ và bút pháp nghệ thuật. Lý do, những khuynh hướng thẩm mỹ từ trước năm 1945 vẫn tiếp tục tồn tại. Thêm vào đó, chủ nghĩa xét lại ở Liên Xô và phong trào Trăm hoa đua nở ở Trung Quốc cũng tác động đến cảm hứng sáng tạo cũng như cách thể hiện nhân vật trong văn xuôi Việt Nam. Bút pháp hiện thực XHCN

đang hình thành nhưng chưa đủ vào định hình chuẩn mực. Mỗi người có một quan niệm thẩm mỹ khác nhau, từ đó, cũng tạo ra những cuộc tranh cãi sôi nổi.

Trong nghệ thuật, người ta thường phân chia ra các phạm trù thẩm mỹ như: cái đẹp - cái xấu, cái bi - cái hài, cái cao cả - cái tầm thường... Văn học cách mạng Việt Nam sau năm 1965 chỉ phổ biến hai phạm trù cái đẹp và cái cao cả. Nhưng trong giai đoạn 1955 - 1964, tất cả các phạm trù đều tồn tại. Nhất là trong các tác phẩm như: *Sống mãi với thủ đô* (Nguyễn Huy Tưởng), *Vào đời* (Hà Minh Tuân), *Đất lửa* (Nguyễn Quang Sáng), *Mười năm* (Tô Hoài), *Con chó xấu xí* (Kim Lân). Các tiểu thuyết trào phúng: *Một nhà đại thiện xạ* (Nguyễn Tạo), *Phất* (Bùi Huy Phồn). Và các tiểu phẩm của Xích Điều như: *Trắng đen*, *Sau mặt nạ nhân vị*, *Người hay vật ? Gạn đục khơi trong ...*

Nếu chia các thể tài văn học thành hai loại: lịch sử dân tộc (sử thi) và thể sự đời tư (tiểu thuyết) thì văn xuôi giai đoạn 1955 - 1964 cũng dung hợp cả hai cảm hứng trên. Có những tác phẩm nghiêng về chất tiểu thuyết nhiều hơn như *Đống rác cũ* (Nguyễn Công Hoan), *Vợ nhặt* (Kim Lân), các tác phẩm viết về sửa sai cải cách ruộng đất: *Sắp cưới*, *Phá đám* (Vũ Bảo), *Những ngày bão táp* (Hữu Mai), *Thôn Bàu thắc mắc* (Sao Mai)... Phần lớn những tác phẩm này đều bị uốn nắn, phê bình. Nhưng phổ biến hơn cả là những tác phẩm mà tác giả biết cách xử lý hài hòa cả chất sử thi và tiểu thuyết như: *Mùa mưa* (Hoàng Văn Bôn), *Mở hầm* (Nguyễn Dục), *Những người thợ mỏ* (Võ Huy Tâm), *Bốn năm sau* (Nguyễn Huy Tưởng)...

Vào cuối những năm 1950, các nhà lý luận phê bình Liên Xô bắt đầu “xét lại” những nguyên lý về cách thể hiện con người trong văn học. Quan niệm “con người bình thường”, “con người mang tính nhân loại phổ quát” có ảnh hưởng tới Việt Nam. Nhiều nhà văn Việt Nam cũng xây dựng nhân vật theo tinh thần “tổng hòa các mối quan hệ xã hội”. Nổi bật là những chiến sĩ anh hùng mang trong mình các ưu nhược điểm rất đời thường như: các tự vệ thành (*Sống mãi với thủ đô* - Nguyễn Huy Tưởng), Tuấn (*Cao điểm cuối cùng* - Hữu Mai), Sơn Linh (*Bên kia biên giới*) và Chánh (*Trước giờ nổ súng* - Phan Tứ), Ba Râu, Út Nhỏ (*Trên mảnh đất này* - Hoàng Văn Bôn)... Và

các nhân vật “nhị nguyên” trong *Ánh mắt* (Bùi Hiên), *Vợ nhặt* (Kim Lân)... Nhiều nhà phê bình cho rằng, loại nhân vật góc cạnh không thích hợp cho nền văn học mới.

3.2.2.3. Sự xuất hiện thể loại tiểu thuyết sử thi

Thể loại tiểu thuyết sử thi vốn hình thành từ thời cận đại và phát triển mạnh trong nền văn xuôi Xô viết thế kỷ XX. Thể loại này dung hợp nhiều cảm hứng thẩm mỹ nhưng cảm hứng về cái đẹp, cái cao cả vẫn nổi trội. Nó cũng dung hợp nhiều thể tài nhưng thể tài lịch sử dân tộc giữ vai trò chính. Âm hưởng chủ đạo của tiểu thuyết sử thi là anh hùng ca, khẳng định sự tất thắng của cách mạng.

Thể loại này cũng đã manh nha xuất hiện trong văn xuôi Việt Nam trước năm 1945 nhưng chỉ trở thành một phong trào sau năm 1955 ở miền Bắc. Nhà nghiên cứu người Nga Niculin ghi nhận: “Cuối những năm 50 - đầu những năm 60, văn học của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa bước vào giai đoạn trưởng thành. Bằng chứng hiển nhiên cho điều đó là sự xuất hiện nổi bật của những bộ tiểu thuyết và thậm chí, tiểu thuyết sử thi”.

Thể loại tiểu thuyết sử thường được hiểu là những tác phẩm có dung lượng lớn. Trong giai đoạn 1955 - 1975, văn xuôi Việt Nam xuất hiện những bộ tiểu thuyết sử thi đồ sộ như: *Cửa biển* (Nguyễn Hồng), *Vỡ bờ* (Nguyễn Đình Thi), *Sống mãi với thủ đô* (Nguyễn Huy Tưởng), *Rừng U Minh* (Trần Hiếu Minh), *Mẫn và tôi* (Phan Tứ), *Dấu chân người lính* (Nguyễn Minh Châu), *Lưu lạc - Hoa lửa - Dải lụa* (Đào Vũ)... Nếu tính đến những cuốn tiểu thuyết có dung lượng vừa phải nhưng có tố chất sử thi cao thì phải kể đến: *Người người lớp lớp* (Trần Dần), *Đất nước đứng lên* (Nguyễn Ngọc), *Cao điểm cuối cùng* (Hữu Mai), *Trước giờ nổ súng* (Lê Khâm), *Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ* (Tô Hoài)...

Ngày nay, nội hàm khái niệm sử thi được mở rộng hơn, không chỉ có tiểu thuyết sử thi mà còn có truyện ngắn sử thi, thơ trữ tình sử thi, kịch sử thi... Mọi người đều thừa nhận nền văn học cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 là một nền văn học sử thi. Tính chất sử thi thấm thấu trong tất cả các thể loại. Trong lĩnh vực văn

xuôi, có thể kể đến các truyện ngắn sử thi: *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành), *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi)... Ký sử thi: *Từ nhân dân mà ra* (Võ Nguyên Giáp), *Hà Nội 60 ngày khói lửa* (Vương Thừa Vũ), *Bất khuất* (Lê Phương)...

Nhìn chung, xét trong tổng thể 30 năm chiến tranh thì văn xuôi cách mạng Việt Nam giai đoạn 1955 - 1964 đạt được nhiều thành tựu hơn cả. Nó có sự dung hợp những thành tựu văn xuôi đã có từ thời Tiền chiến và kết hợp với nguyên lý của nền văn xuôi hiện thực XHCN. Nó phát triển trong sự đa dạng, phức tạp. Càng về sau, những dư âm nghệ thuật cũ lùi dần. Các nhà văn học tập xây dựng nên một nền văn xuôi thuần chất hiện thực XHCN giai đoạn sau.

3.3. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1965 - 1975

3.3.1. Các sự kiện tiêu biểu

Năm 1965, Mỹ đưa quân vào miền Nam và ném bom miền Bắc. Từ đây, nhiệm vụ chiến lược ở miền Bắc có sự thay đổi: không chỉ xây dựng CNXH mà còn chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ và chi viện cho cách mạng miền Nam. Văn nghệ sĩ cũng bám sát tình hình thời sự của đất nước. Các nhà văn được phân công đi nhiều vùng miền trong cả nước để sáng tác phản ánh kịp những sự kiện nóng hổi. Nhiều nhà văn đã xung phong vào tiền tuyến miền Nam và tuyến lửa khu Bốn.

Các văn nghệ sĩ thuộc nhiều thế hệ cùng xuất hiện trên chiến lũy mới: nhà văn Tiền chiến, nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp, nhà văn trưởng thành trong 10 năm hòa bình và nhà văn trưởng thành thời chống Mỹ. Các nhà văn thế hệ thứ tư này được đào tạo hoàn toàn từ chế độ XHCN. Ở họ, có sự thống nhất cao trên nhiều phương diện: tư tưởng chính trị, cảm hứng thẩm mỹ, bút pháp nghệ thuật... Tuổi đời của các nhà văn này còn trẻ nên họ có điều kiện xông xáo ở những chiến trường nguy hiểm nhất.

Có thể nêu tên một số nhà văn tiêu biểu trưởng thành trong thời kỳ này như: Thanh Hương, Lê Tri Kỷ, Lê Minh, Trần Tử Bình, Lê Phương, Hồng Châu, Cẩm Thanh, Nguyễn Khắc Phê, Trần Mai Nam, Ma Văn Kháng, Nguyễn Thị Như Trang,

Đỗ Chu, Lê Minh, Nguyễn Hoàng, Đức Lâm, Đỗ Phú, Vũ Lê Mai, Mai Ngừ, Lữ Huy Nguyên, Xuân Trình, Trần Bảo... Trong số những nhà văn trẻ xuất thân từ miền Bắc, có nhiều người gắn bó với chiến trường miền Nam như: Dương Thị Xuân Quý, Xuân Thiều, Nam Hà, Nguyễn Chí Trung, Lê Lưu, Nguyễn Minh Châu, Triệu Bôn, Hồ Phương, Nguyễn Gia Nùng...

Nền văn học cách mạng giải phóng miền Nam đã bắt đầu hình thành từ năm 1961. Trước năm 1965, đã có một số tác phẩm văn xuôi từ miền Nam gửi ra Bắc gây sự chú ý của dư luận như: *Vở kịch cô giáo* (Giang Nam, 1962), *Về làng* (Phan Tứ, 1964), và các tuyển tập nhiều tác giả như: *Từ tuyến đầu Tổ quốc* (1963), *Chông ba lá* (1964), *Chuyện làng Ra-pông* (1964)... Nhưng phải từ năm 1965 trở đi, nền văn học cách mạng miền Nam mới phát triển mạnh mẽ. Những tác phẩm văn xuôi từ miền Nam gửi ra thường độc giả miền Bắc đón nhận nồng nhiệt.

Đội ngũ văn nghệ miền Nam gồm có: Trần Đình Vân (*Sống như anh*), Lê Văn Thảo (*Ngoài mặt trận*), Nguyễn Thi (*Người mẹ cầm súng*, *Truyện và ký*), Nguyễn Trung Thành (*Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*, *Đất Quảng*, *Đường chúng ta đi*), Anh Đức (*Hòn Đất*, *Giấc mơ của ông lão vườn chim*), Nguyễn Quang Sáng (*Bông cẩm thạch*, *Chiếc lược ngà*), Nguyễn Khoa Điềm (*Cửa thép*), Tô Nhuận Vỹ (*Người sông Hương*), Phan Tứ (*Gia đình má Bảy*, *Mẫn và tôi*), Lại Giang (*Trong vành đai diệt Mỹ*), Cửu Long (*Trận đầu diệt Mỹ*), Hồng Châu (*Trường Sơn hùng tráng*), Xuân Vũ (*Người miền Nam*), Thủy Thủ (*Đất quê hương*), các tập truyện và ký của nhiều tác giả: *Bút ký miền Nam*, *Sấm sét trên đường phố*, *Xuân về trên đường phố Sài Gòn*...

Trong giai đoạn này, có một số cuộc thi sáng tác văn học. Ở miền Bắc, có hai cuộc thi Truyện ngắn của báo Văn nghệ: 1967 - 1968 và 1970 - 1971. Còn ở trong Nam, có giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu năm 1965. Các tác phẩm văn xuôi đoạt giải đợt này gồm có: